

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11 /2017/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 11 tháng 4 năm 2017

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Quy định giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;*

*Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 28/TTr-STC ngày 10 tháng 3 năm 2017.*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

##### **Điều 1. Quy định giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

1. Các mức giá dịch vụ trông giữ xe đối với điếm, bãi trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước được quy định tại biểu giá kèm theo Quyết định này.

2. Mức giá trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng và được điều chỉnh tăng theo đề nghị của các Chủ đầu tư, thẩm định của Sở Tài chính tại các phương án giá cụ thể để đảm bảo lộ trình đến năm 2020 tính toán đầy đủ chi phí vào giá.

3. Đối với điểm, bãi trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước: Chủ đầu tư căn cứ hướng dẫn tại Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ. Xây dựng và quyết định mức giá trông giữ xe nhưng tối đa không quá 1,5 lần mức giá điểm đỗ, bãi trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước và thực hiện thủ tục kê khai giá theo quy định.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Chủ đầu tư các điểm đỗ, bãi trông giữ xe.
2. Tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ quản lý các điểm đỗ, bãi trông giữ xe.
3. Mọi tổ chức, cá nhân có nhu cầu gửi xe tại các điểm đỗ, bãi trông giữ xe.

### **Điều 3. Quản lý dịch vụ trông giữ xe**

1. Các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh trông giữ xe phải được cấp phép hoạt động phù hợp với quy hoạch và quy định về kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị trên địa bàn tỉnh.

2. Khoản thu được từ dịch vụ trông giữ xe là doanh thu của tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật. Hàng năm, các tổ chức, cá nhân phải thực hiện quyết toán thuế đối với doanh thu thu được cùng với kết quả hoạt động kinh doanh khác (nếu có) với cơ quan Thuế.

3. Đối với học sinh, sinh viên thường xuyên gửi xe tại trường học thì thực hiện thu theo giá vé tháng.

### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra việc thực hiện giá dịch vụ trông giữ xe của các tổ chức, cá nhân trông giữ xe trên địa bàn.

Hướng dẫn các Chủ đầu tư điểm đỗ, bãi trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, chủ động xây dựng phương án giá cụ thể dịch vụ trông giữ xe do mình quản lý, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Cục Thuế phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Bắc Giang (sau đây gọi là UBND cấp huyện) thường xuyên kiểm tra, rà soát việc chấp hành các quy định pháp luật về thuế; hướng dẫn các tổ chức, cá nhân kê khai nộp thuế, quyết toán thuế đối với doanh thu thu được theo quy định của Luật Quản lý Thuế.

3. UBND cấp huyện quy hoạch các điểm trông giữ xe cho phù hợp với điều kiện thực tế, để cấp phép hoạt động cho các tổ chức, cá nhân được phép trông giữ xe.

Chỉ đạo phòng Tài chính – Kế hoạch phối hợp với các phòng, ban liên quan định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra việc thực hiện giá dịch vụ trông giữ xe của các tổ chức, cá nhân trông giữ xe trên địa bàn; chỉ đạo phòng, ban có chức năng kiểm tra, giám sát, tổng hợp tình hình thực hiện chính sách liên quan đến giá dịch vụ trông giữ xe.

Chỉ đạo các xã, phường, thị trấn thường xuyên giám sát việc thực hiện mức giá trông giữ xe và thực hiện nghĩa vụ tài chính với ngân sách nhà nước trên địa bàn theo đúng quy định.

4. Đối với điểm đỗ, bãi trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước: Giao UBND cấp huyện, các cơ quan thuộc tỉnh lập dự toán thu, chi làm cơ sở thu tiền dịch vụ trông giữ xe đối với tổ chức, cá nhân theo hình thức đấu thầu.

5. Đối với điểm đỗ, bãi trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước: Căn cứ mức thu tối đa quy định tại Điều 1, Quyết định này, Chủ đầu tư quyết định giá cụ thể dịch vụ trông giữ xe, gửi hồ sơ kê khai giá đến UBND cấp huyện và Sở Tài chính theo quy định.

6. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

#### **Điều 5. Hiệu lực thi hành**

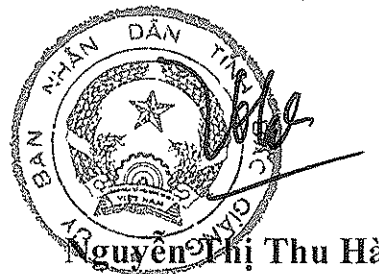
1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2017.

2. Thủ trưởng các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; UBND cấp huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ(b/c);
- Cục Quản lý Công sản, Cục Quản lý Giá - Bộ Tài Chính; Cục Kiểm tra VB QPPL - Bộ Tư pháp;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Bắc Giang;
- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các ban, cơ quan thuộc Tỉnh uỷ;
- MTTQ và các tổ chức đoàn thể cấp tỉnh;
- VPHĐND tỉnh; các Ban của HĐND tỉnh;
- LĐVP, các phòng, TTTT;
- Lưu: VT, KT<sub>Tư</sub>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thị Thu Hà**

**GIÁ DỊCH VỤ TRÔNG GIỮ XE TẠI CÁC ĐIỂM ĐỖ, BÃI TRÔNG GIỮ XE  
ĐƯỢC ĐẦU TƯ BẰNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG**

(Kèm theo Quyết định số 41 /2017/QĐ-UBND ngày 11/4/2017 của UBND tỉnh)

Số TT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức thu
<b>A</b>	<b>Giá dịch vụ trông giữ xe đạp, xe gắn máy, xe mô tô, xe ô tô trả theo lượt ban ngày (từ 6 giờ 00 phút đến 18 giờ 00 phút)</b>		
<b>I</b>	<b>Khu vực bệnh viện, trường học, chợ, bến xe, ga tàu và các khu vực được cấp phép trông giữ xe theo đúng quy hoạch.</b>		
1	Xe đạp, xe đạp điện	Đồng/xe/lượt	1.000
2	Xe mô tô 2 bánh, xe mô tô 3 bánh, xe gắn máy (kể cả xe máy điện)	Đồng/xe/lượt	3.000
3	Xe ô tô dưới 12 chỗ ngồi	Đồng/xe/lượt	10.000
4	Xe ô tô từ 12 chỗ ngồi trở lên và các loại xe ô tô khác (Xe chuyên dùng)	Đồng/xe/lượt	15.000
<b>II</b>	<b>Khu vực có Lễ hội, Hội chợ, khu du lịch, tham quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa.</b>		
1	Xe đạp, xe đạp điện	Đồng/xe/lượt	2.000
2	Xe mô tô 2 bánh, xe mô tô 3 bánh, xe gắn máy (kể cả xe máy điện)	Đồng/xe/lượt	4.000
3	Xe ô tô dưới 12 chỗ ngồi	Đồng/xe/lượt	15.000
4	Xe ô tô từ 12 chỗ ngồi trở lên và các loại xe ô tô khác (Xe chuyên dùng)	Đồng/xe/lượt	20.000
<b>B</b>	<b>Giá dịch vụ trông giữ xe đạp, xe gắn máy, xe mô tô, ô tô trả theo lượt ban đêm (từ 18 giờ 00 phút đến 6 giờ 00 phút sáng ngày hôm sau)</b>		
<b>I</b>	<b>Khu vực bệnh viện, trường học, chợ, bến xe, ga tàu và các khu vực được cấp phép trông giữ xe theo đúng quy hoạch.</b>		
1	Xe đạp, xe đạp điện	Đồng/xe/lượt	2.000
2	Xe mô tô 2 bánh, xe mô tô 3 bánh, xe gắn máy (kể cả xe máy điện)	Đồng/xe/lượt	4.000
3	Xe ô tô dưới 12 chỗ ngồi	Đồng/xe/lượt	15.000
4	Xe ô tô từ 12 chỗ ngồi trở lên và các loại xe ô tô khác (Xe chuyên dùng)	Đồng/xe/lượt	25.000

<b>II</b>	<b><i>Khu vực có Lễ hội, Hội chợ, khu du lịch, tham quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa.</i></b>		
1	Xe đạp, xe đạp điện	Đồng/xe/lượt	2.000
2	Xe mô tô 2 bánh, xe mô tô 3 bánh, xe gắn máy (kể cả xe máy điện)	Đồng/xe/lượt	5.000
3	Xe ô tô dưới 12 chỗ ngồi	Đồng/xe/lượt	20.000
4	Xe ô tô từ 12 chỗ ngồi trở lên và các loại xe ô tô khác (Xe chuyên dùng)	Đồng/xe/lượt	30.000
<b>C</b>	<b>Giá dịch vụ trông giữ xe đạp, xe gắn máy, xe mô tô, ô tô trả theo tháng</b>		
1	Xe đạp, xe đạp điện	Đồng/xe/tháng	15.000
2	Xe mô tô 2 bánh, xe mô tô 3 bánh, xe gắn máy (kể cả xe máy điện)	Đồng/xe/tháng	40.000
3	Xe ô tô dưới 12 chỗ ngồi	Đồng/xe/tháng	350.000
4	Xe ô tô từ 12 chỗ ngồi đến 29 chỗ ngồi	Đồng/xe/tháng	450.000
5	Xe ô tô từ 29 chỗ ngồi trở lên và các loại xe ô tô khác (Xe chuyên dùng, xe tải, xe lu, xe cầu)	Đồng/xe/tháng	600.000
6	Đối với giá trông giữ xe theo tháng tại các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn mức thu bằng 60% theo mức giá quy định tại mục này		